

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

KHOA CÔNG NGHỆ HOÁ



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH KỸ THUẬT HOÁ HỌC**



Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	1
2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội .	1
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Đơn vị xxx.....	3
2.3. Mục tiêu của chương trình.....	4
3. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	5
3.1. Thông tin tuyển sinh	5
3.2. Quy trình đào tạo	6
3.3 Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp.....	6
4. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	6
5. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	8
5.1. Chuẩn bị của giảng viên	9
5.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học.....	9
5.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.....	10
6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	10
6.1. Quy trình đánh giá	10
6.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	11
7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	11
7.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	12
7.2 Nội dung chương trình.....	12
7.7 Mô tả tóm tắt nội dung học phần.....	14
8. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	25
8. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	26

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình: Kỹ thuật hoá học

Năm ban hành: 2021

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	Thạc sĩ Kỹ thuật Hoá học
Tên chương trình (tiếng Anh):	Master in Chemical Engineering
Mã ngành:	8520301
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Thạc sĩ Kỹ thuật Hoá học
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo:	2,0 năm
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị quản lý CTĐT:	Khoa Công nghệ Hoá

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của khoa Công nghệ Hoá, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1 Tầm nhìn

Trở thành đại học đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng đa năng, phát triển theo mô hình đại học thông minh; đạt chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực then chốt; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, cộng đồng và doanh nghiệp.

2.1.2 Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyển giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

2.1.3 Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chung:

Trở thành đại học khoa học ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ

toàn diện, đi đầu trong xu thế chuyển đổi số và quản trị thông minh. Sản phẩm giáo dục đào tạo nằm trong tốp đầu Việt Nam về khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, được ghi nhận về năng lực sáng tạo và khởi nghiệp; Sản phẩm khoa học công nghệ được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong nước, một số lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế;

Mục tiêu cụ thể từng lĩnh vực:

a. Đào tạo

Phát triển và vận hành các CTĐT đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. Mở mới các chương trình đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Đổi mới phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng công nghệ giáo dục mới; Hình thành môi trường học tập mở, sáng tạo và trải nghiệm.

b. Khoa học công nghệ

Đổi mới nghiên cứu và sáng tạo theo hướng hội nhập và đa dạng các loại hình, lĩnh vực khoa học công nghệ; Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Triển khai có hiệu quả các hoạt động sở hữu trí tuệ và bảo hộ kết quả nghiên cứu. Gắn nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Nâng tỉ lệ doanh thu từ các hoạt động khoa học công nghệ trong tổng doanh thu toàn trường.

c. Hợp tác phát triển

Thiết lập mối quan hệ đa dạng, cùng có lợi với các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật quốc tế và tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm đào tạo và nghiên cứu. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực thông qua các hoạt động hợp tác cùng phát triển.

d. Người học và kết nối cộng đồng

Phát triển năng lực toàn diện của người học thông qua việc hình thành môi trường học tập, sinh hoạt, rèn luyện mang tính mở, năng động và sáng tạo. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học. Mở rộng mạng lưới, khai thác có hiệu quả đóng góp từ đội ngũ cựu người học. Nâng cao vị thế và uy tín, ảnh hưởng của nhà trường qua các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng.

e. Tài chính – cơ sở vật chất

Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững và tự chủ của nhà trường với nguồn thu đa dạng và ổn định; Khai thác và sử dụng nguồn tài chính hợp lý, hiệu quả. Hình thành cơ sở hạ tầng và môi trường giáo dục hiện đại, sáng tạo phù hợp với hệ sinh thái đại học thông minh; Đầu tư và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

f. Quản trị nhà trường và nguồn nhân lực

Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với cơ chế tự chủ toàn diện và mô hình đại học hiện đại; Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị nhà trường tiên tiến đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, phù hợp

về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng đáp ứng các yêu cầu. Hình thành đội ngũ giảng viên, chuyên gia làm chủ và bước đầu ở vị thế dẫn dắt trong một số lĩnh vực công nghệ hiện đại, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường quốc tế.

g. Đảm bảo chất lượng và chuyển đổi số

Nhà trường và các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định quốc gia và quốc tế, từng bước nâng cao vị trí trong các bảng xếp hạng đại học; Hoàn thiện hệ thống Đại học điện tử, từng bước hình thành hệ thống Đại học thông minh.

h. Văn hóa và Thương hiệu

Phát triển văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở phát huy truyền thống, tiếp thu, sáng tạo các giá trị văn hóa trong quá trình hội nhập. Nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu và các sản phẩm của nhà trường đối với cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động truyền thông hiện đại.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của khoa Công nghệ Hoá

2.2.1. Tầm nhìn

Trở thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực hàng đầu trong lĩnh vực Công nghệ Hóa học, Hoá dược, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ thực phẩm của Việt Nam, ngang tầm với các trường Đại học uy tín trong nước theo định hướng ứng dụng.

2.2.2. Sứ mạng

Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện được công tác vận hành, quản lý quy trình sản xuất, tư vấn, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ Hóa học, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ thực phẩm, Hoá dược.

2.2.3. Chiến lược phát triển

- Dạy và học theo phương pháp tích cực;
- Phát triển chương trình đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn AUN và hướng tới đạt chuẩn ABET;
- Đánh giá và phát triển các hoạt động đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn CDIO;
- Chuẩn hóa giáo trình giảng dạy;
- Không ngừng nâng cao năng lực giảng viên và cán bộ quản lý;
- Xây dựng môi trường học tập, giảng dạy và NCKH tốt cho giảng viên và sinh viên;
- Đẩy mạnh hoạt động NCKH theo hướng ứng dụng thực tiễn sản xuất;
- Gắn kết hoạt động đào tạo với thực tế sản xuất tại doanh nghiệp.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên, công bố các công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín ISI/SCOPUS.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế tiến tới hội nhập toàn cầu nâng cao vị thế của khoa Công nghệ hóa trong khu vực.

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hoá học được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sỹ ngành Kỹ thuật hóa học nhằm trang bị kiến thức khoa học cơ bản nâng cao, có kỹ thuật cơ sở vững chắc, có phương pháp tư duy logic, có trình độ chuyên môn sâu để làm chủ các lĩnh vực khoa học và công nghệ liên quan đến kỹ thuật hóa học, có kỹ năng thực hành tốt, có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và sáng tạo, có khả năng phối hợp làm việc theo nhóm và thích ứng cao với môi trường làm việc, giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành Kỹ thuật hóa học.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức:

Có kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật hoá học như các quy trình công nghệ sản xuất công nghiệp, các vật liệu mới, các quy trình công nghệ mới, ... phù hợp với định hướng nghiên cứu và ứng dụng của kỹ thuật hoá học.

+ Kỹ năng:

- Kỹ năng quản lý, điều hành, đánh giá và cải tiến hoạt động thuộc lĩnh vực kỹ thuật hóa học trong các doanh nghiệp; Kỹ năng mềm để hoàn thành công việc một cách linh hoạt và sáng tạo, hiệu quả; phát hiện được tính mới và phát triển được nghiên cứu.

- Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và chịu được áp lực công việc; Kỹ năng thuyết trình, quản lý và lãnh đạo nhóm.

+ Thái độ:

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, linh hoạt, sáng tạo;

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như đam mê nghiên cứu khám phá kiến thức mới, có trách nhiệm trong công việc và với cộng đồng;

- Có phẩm chất đạo đức xã hội như tôn trọng luật pháp, có tinh thần kỷ luật, có lối sống trong sáng, lành mạnh.

+ Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng, thích nghi và tư vấn phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi

- Đánh giá và tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp Kỹ thuật hoá học
- Tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi
- Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực Kỹ thuật hoá học.

+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ có thể đảm nhận các công việc:

- Phụ trách kỹ thuật của các công ty, nhà máy, xí nghiệp;
- Vận hành, thiết kế và chế tạo hệ thống thiết bị cho các dây chuyền sản xuất hiện đại liên quan đến lĩnh vực công nghệ hóa học;
- Phân tích, kiểm tra và đánh giá chất lượng của nguyên liệu, các sản phẩm trung gian và sản phẩm của quá trình sản xuất, hàng hóa.
- Giảng dạy trong các cơ sở đào tạo về lĩnh vực hóa học;
- Nghiên cứu viên hoặc một số các vị trí quản lý trong các dự án và viện nghiên cứu, các trung tâm liên quan đến lĩnh vực hóa học;

+ Trình độ Ngoại ngữ:

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

3.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh:

Theo quy chế tuyển sinh thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh thạc sĩ của trường ĐHCNHN cập nhật tại <https://cps.hau.edu.vn/vn>.

- Đối tượng tuyển sinh:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh:

Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Trường quyết định, bao gồm xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

3.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ đối với người có trình độ thuộc ngành phù hợp.

- Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ, đối với hình thức đào tạo chính quy là 2 năm tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 04 học kỳ.

- Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học được quy định trong Quy chế này và không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

3.3. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp như sau:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu;

Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục & Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Nhà trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Khoa Công nghệ hóa bao gồm 06 bộ môn và 01 phòng: Bộ môn Công nghệ hóa hữu cơ, Bộ môn Công nghệ hóa vô cơ-Hóa công, Bộ môn Công nghệ Thực phẩm, Bộ môn Công nghệ hóa phân tích, Bộ môn Hóa cơ sở, Bộ môn Công nghệ Môi trường, phòng thí nghiệm phân tích và ứng dụng. Hiện nay Khoa Công nghệ hóa có 39 cán bộ, giảng viên, trong đó có 06 Phó giáo sư (15,38 %) và 20 tiến sĩ (51,28 %), 10 thạc sĩ (25,64 %). Độ tuổi bình quân của cán bộ, giảng viên là 36,5 tuổi.

Bảng 2. Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa Công nghệ Hoá năm 2021

Stt	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (n g)		Phân loại theo tuổi (ng)				
				Na m	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Phó giáo sư	06	15,38	2	4	0	1	4	1	0
2	Tiến sĩ	20	51,28	9	11	0	16	4	0	0
3	Thạc sĩ	10	25,64	5	5	0	8	2	0	0
4	Đại học	3	7,69	2	1	0	2	1	0	0
Tổng số		39	100	18	21	0	27	11	1	0

Khoa Công nghệ hóa hiện tại đang quản lý 15 phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi các bộ môn: Bộ môn Công nghệ hóa hữu cơ, Bộ môn Công nghệ hóa vô cơ-Hóa công, Bộ môn Công nghệ công nghệ thực phẩm, Bộ môn Công nghệ hóa phân tích và Bộ môn Công nghệ Môi trường. Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo Công nghệ hóa.

Bảng 3. Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

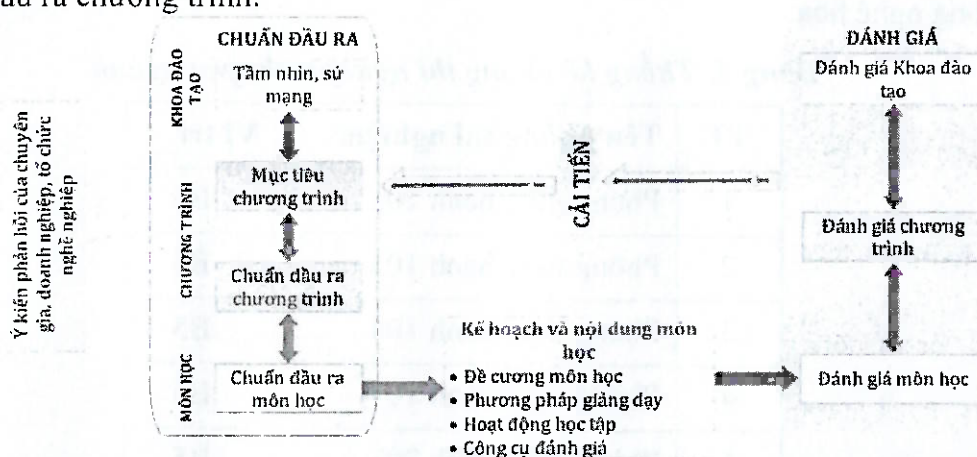
TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng thực hành 102	B5
2	Phòng thực hành 103	B5
3	Phòng thực hành 104	B5
4	Phòng thực hành 105	B5
5	Phòng thực hành 203	B5

6	Phòng thực hành 204	B5
7	Phòng thực hành 301	B5
8	Phòng nghiên cứu 302	B5
9	Phòng nghiên cứu 304	B5
10	Phòng thực hành 305	B5
11	Phòng nghiên cứu 401	B5
12	Phòng thực hành 402	B5
13	Phòng thực hành 403	B5
14	Phòng nghiên cứu 404	B5
15	Phòng nghiên cứu 405	B5

Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật Hoá học. Trong đó phải kể đến các thiết bị phân tích hiện đại như: Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS: Atomic Absorption Spectrometer), Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC - High Performance Liquid Chromatography), Bộ chiết pha rắn chân không Agilent 12 Port, Máy phân tích điện hóa đa năng Autolab PGSTA302N, Thiết bị quang phổ hồng ngoại Jasco FT/IR-6600.

5. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Đơn vị xxx tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Đơn vị xxx

5.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành xxx cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin học phần mà mình đang giảng dạy (học phần có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc hay tự chọn);
- Nắm rõ hình thức, phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ lớp học phần (Danh sách học viên, lớp, khóa đào tạo)
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

5.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong môi quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 4. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của Học viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng; Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Học viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, đề án tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

5.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

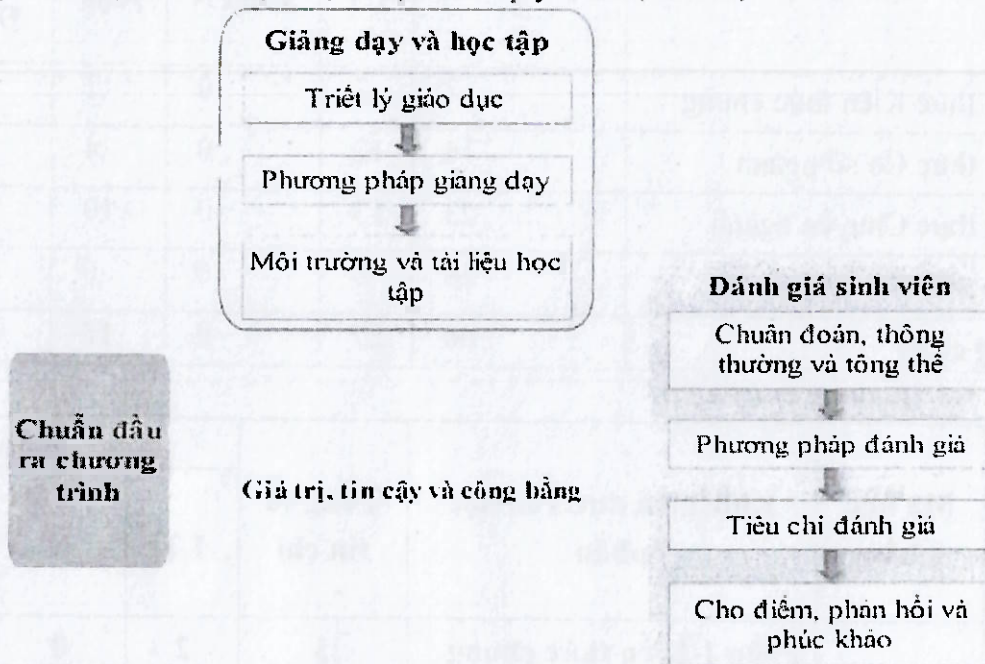
- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;
- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng ở vị trí làm việc ngành Kỹ thuật Hoá học;
- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

6.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần (Li,j), chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT i,j,k. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá học viên bao

gồm thi đầu vào, khảo sát học viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, học viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).



Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá học viên

6.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành và tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các học phần, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc.

7.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa
Tổng số tín chỉ phải tích lũy 60 tín chỉ

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ				Tỷ lệ (%)
		LT	TH/TN	Thảo luận	TT/ĐA	
Kiến thức Kiến thức chung	3	2	0	1	0	5
Kiến thức Cơ sở ngành	16	12	0	4	0	26,7
Kiến thức Chuyên ngành	23	13	0	10	0	38,3
Kiến thức Tốt nghiệp	18	0	0	0	18	30
Tổng cộng	60	27	0	15	18	100

7.2 Nội dung chương trình

ST T	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			
				LT	TH/TN	Thảo luận	TT/ĐA
1		Phần 1-Kiến thức chung	3	2	0	1	0
	LP7202	Triết học	3	2	0	1	0
		Ngoại ngữ*					
2		Phần 2-Kiến thức cơ sở ngành	16	12	0	4	0
		<i>Bắt buộc</i>	16	12	0	4	0
1	CT7110.1	Động học các quá trình công nghệ hóa học	3	2	0	1	0
2	CT7122.1	Nhiệt động kỹ thuật hóa học	3	3	0	0	0
3	CT7115.1	Hóa lý bề mặt	2	1	0	1	0
4	CT7117.1	Kỹ thuật phân tích hiện đại	2	2	0	0	0
5	CT7118.1	Kỹ thuật tách hỗn hợp nhiều cấu tử	3	2	0	1	0
	CT7123.1	Phương pháp phân tích cấu trúc	3	2	0	1	0
3		Phần 3-Kiến thức chuyên ngành	23	13	0	10	0
		<i>Bắt buộc</i>	5	3	0	2	0
1	CT7121.1	Nhiên liệu mới	3	2	0	1	0
2	CT7131.1	Xúc tác công nghiệp	2	1	0	1	0
		<i>Tự chọn</i>	18	10	0	8	0

ST T	Mã học phần	Khôi giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			
				LT	TH/T N	Thảo luận	TT/ ĐA
1	CT7130.1	Vật liệu polyme và compozit	3	2	0	1	0
2	CT7114.1	Hóa học và công nghệ đất hiếm	2	1	0	1	0
3	CT7128.1	Vật liệu dẫn	2	1	0	1	0
4	CT7104.1	Công nghệ nhũ tương	2	1	0	1	0
5	CT7109.1	Điện hoá học bề mặt	2	1	0	1	0
6	CT7129.1	Vật liệu hóa học hiện đại	2	1	0	1	0
7	CT7113.1	Hóa học và công nghệ chế biến dầu khí	3	2	0	1	0
8	CT7112.1	Hóa học ứng dụng trong xử lý môi trường	2	1	0	1	0
9	CT7116.1	Hợp chất có hoạt tính sinh học	2	1	0	1	0
10	CT7106.1	Cơ chế các phản ứng hữu cơ	2	1	0	1	0
11	CT7125.1	Tin học ứng dụng trong hoá học	2	1	0	1	0
12	CT7119.1	Kỹ thuật tạo màng và sơn	2	1	0	1	0
13	CT7126.1	Tính toán thiết bị trong công nghệ các chất vô cơ	3	2	0	1	0
14	CT7111.1	Hoá học các hợp chất thiên nhiên	2	1	0	1	0
15	CT7124.1	Quang hóa và điện hóa trong tổng hợp hữu cơ	2	2	0	0	0
16	CT7105.1	Công nghệ tiên tiến sản xuất bột giấy	2	1	0	1	0
17	CT7101.1	Cấu trúc và tính chất của vật liệu silicat	2	1	0	1	0
18	CT7102.1	Công nghệ chế biến khoáng sản Việt Nam	2	1	0	1	0
19	CT7127.1	Thiết bị đặc trưng trong công nghệ các chất vô cơ	2	1	0	1	0

ST T	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			
				LT	TH/T N	Thảo luận	TT/ ĐA
20	CT7107.1	Cơ sở lý thuyết công nghệ gồm kỹ thuật và vật liệu chịu lửa	2	1	0	1	0
21	CT7108.1	Cơ sở lý thuyết kỹ thuật các chất vô cơ	2	1	0	1	0
22	CT7103.1	Công nghệ muối khoáng	2	1	0	1	0
4		Phần 4-Thực tập	9	0	0	0	9
	CT7144.1	Thực tập	9	0	0	0	9
5		Phần 5-Đề án tốt nghiệp	9	0	0	0	9
	CT7145.1	Đề án tốt nghiệp	9	0	0	0	9
		Tổng	60	41	0	1	18

7.3 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

7.3.1. Tên học phần: Triết học

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0) Mã học phần: LP7102.1

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Triết học phương Đông, triết học phương Tây, tư tưởng triết học Việt Nam và những nội dung nâng cao của triết học Mác - Lênin; mối quan hệ giữa triết học với khoa học cũng như vai trò của khoa học và công nghệ đối với đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt là nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học.

7.3.2. Tên học phần: Động học các quá trình công nghệ hóa học

Số tín chỉ: 3(2;0;1;0) Mã học phần: CT7110.1

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Động học các quá trình công nghệ hóa học” là học phần bắt buộc đối

với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật hóa học. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức về động học của các phản ứng hóa học đồng thể, dị thể và khả năng ứng dụng kiến thức về động học trong việc nghiên cứu và mô hình hóa các thiết bị phản ứng.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể giải được các bài toán về động học trong nghiên cứu phản ứng và thiết bị phản ứng.

7.3.3. Tên học phần: Nhiệt động kỹ thuật hóa học

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0) Mã học phần: CT7122.1

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Nhiệt động kỹ thuật hóa học” thuộc khối kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Kỹ thuật Hóa học. Học phần cung cấp cho học viên cao học các kiến thức cơ bản về nhiệt động kỹ thuật hóa học, các định luật cũng như ứng dụng các định luật để tính toán các đại lượng nhiệt động và phân tích các quá trình trong kỹ thuật hóa học; Nghiên cứu nhiệt động trong các hệ khí; Cân bằng pha hệ dị thể không có phản ứng và cân bằng pha có phản ứng hóa học; Ứng dụng nhiệt động học trong hóa kỹ thuật; Nhiệt động cho quá trình không cân bằng.

Sau khi học xong học phần học viên có thể giải các bài toán về nhiệt động kỹ thuật hóa học, ứng dụng các định luật để tính toán các đại lượng nhiệt động và phân tích các quá trình trong kỹ thuật hóa học; Nghiên cứu nhiệt động trong các hệ khí; Cân bằng pha hệ dị thể không có phản ứng và cân bằng pha có phản ứng hóa học;

7.3.4. Tên học phần: Hoá lý bề mặt

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7115.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Hoá lý bề mặt” là học phần tự chọn đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức về tính chất bề mặt của hệ phân tán, các quy luật hấp phụ, điều chế chất hấp phụ, ứng dụng của các quá trình hấp phụ, các tính chất cơ bản của hệ phân tán keo, hệ phân tán thô và ứng dụng.

Sau khi học xong học phần này học viên có kiến thức cơ sở chuyên môn vững để tiếp cận và giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến kỹ thuật hóa học trong thực tế.

7.3.5. Tên học phần: Kỹ thuật phân tích hiện đại

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0) Mã học phần: CT7117.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Kỹ thuật phân tích hiện đại” thuộc khối kiến thức tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Kỹ thuật Hóa học. Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết, các kỹ năng giải quyết vấn đề trong kỹ thuật phân tích hiện đại đang được sử dụng để phân tích định tính, định lượng các chất vô cơ, hữu cơ như quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS); quang phổ phát xạ nguyên tử (AES), sắc ký khí (GC), sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC), phân tích nhiệt và kính hiển vi điện tử.

Sau khi học xong học phần học viên có thể phân tích được ưu nhược điểm, đối tượng và phạm vi ứng dụng của các kỹ thuật phân tích quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS); quang phổ phát xạ nguyên tử (AES), sắc ký khí (GC), sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC), phân tích nhiệt và kính hiển vi điện tử.

7.3.6. Tên học phần: Kỹ thuật tách hỗn hợp nhiều cấu tử

Số tín chỉ: 3(2;0;1;0) Mã học phần: CT7118.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Phương pháp nghiên cứu cấu trúc vật chất” thuộc khối kiến thức tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Kỹ thuật Hóa học. Học phần đề cập đến các kiến thức về trích li lỏng – lỏng, trích li lỏng – rắn, cân bằng pha lỏng – hơi của hệ nhiều cấu tử, các mô hình của tháp chưng luyện dùng để phân tách hệ nhiều cấu tử. Các quá trình tách hỗn hợp nhiều cấu tử trong công nghiệp như tách hỗn hợp không đẳng phí, hỗn hợp đẳng phí bằng các phương pháp khác nhau và các phương pháp giảm thiểu tiêu hao năng lượng trong quá trình tách.

Sau khi học xong học phần học viên có thể giải thích được quá trình tách hỗn hợp nhiều cấu tử trong công nghiệp như tách hỗn hợp không đẳng phí, hỗn hợp đẳng phí bằng các phương pháp khác nhau và các phương pháp giảm thiểu tiêu hao năng lượng trong quá trình tách.

7.3.7. Tên học phần: Phương pháp phân tích cấu trúc

Số tín chỉ: 3(2;0;1;0) Mã học phần: CT7123.1

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết, các kỹ năng giải quyết vấn đề trong các phương pháp phân tích hiện đại đang được sử dụng để phân tích và xác định cấu trúc chất hữu cơ như phổ hồng ngoại (IR), phổ tử ngoại – khả kiến (UV-Vis),

phổ cộng hưởng từ hạt nhân (NMR, 1 và 2 chiều), phổ khối lượng (MS) và phổ X-ray đơn tinh thể. Từ đó học viên có khả năng vận dụng xác định cấu trúc các chất bằng các phương pháp phổ.

7.3.8. Tên học phần: Nhiên liệu mới

Số tín chỉ: 3(2;0;1;0) **Mã học phần:** CT7121.1

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Nhiên liệu mới” là học phần bắt buộc đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức về các dạng nhiên liệu mới thân thiện môi trường như: nhiên liệu nhũ hóa, nhiên liệu sinh học biodiesel, nhiên liệu sinh khối biomass, nhiên liệu hydro, ... Vai trò của các nhiên liệu mới trong cơ cấu năng lượng chung.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể phân tích được nguồn gốc hình thành, thành phần và tính chất của các loại nhiên liệu mới.

7.3.9. Tên học phần: Xúc tác công nghiệp

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) **Mã học phần:** CT7131.1

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Xúc tác công nghiệp” là học phần bắt buộc đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần này nhằm giới thiệu đến học viên: Các khái niệm cơ bản, khả năng ứng dụng và phát triển của xúc tác hóa học. Các xúc tác sử dụng trong một số ngành công nghiệp. Các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, công nghệ sản xuất xúc tác hóa học.

Sau khi học xong học phần này học viên có thể đưa ra được quy trình tổng hợp xúc tác sử dụng trong công nghiệp, đánh giá tính chất của các chất xúc tác.

7.3.10. Tên học phần: Vật liệu polyme và composite

Số tín chỉ: 3(2;0;1;0) **Mã học phần:** CT7130.1

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần này nhằm mang lại cho học viên:

- Các kiến thức về mối liên quan giữa cấu trúc và tính chất của vật liệu polyme và các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của vật liệu polyme và composit; kiến thức

về composit sinh học và composit phân hủy sinh học; vật liệu nanocomposit; vật liệu composit chức năng.

- Nâng cao khả năng tư duy khi có nhiệm vụ nghiên cứu và khả năng lựa chọn, phối hợp phương pháp phù hợp để thực hiện nghiên cứu đặc trưng, chế tạo cũng như ứng dụng polyme composit vào lĩnh vực thích hợp.

7.3.11. Tên học phần: Hóa học và công nghệ đất hiếm

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7114.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Hóa học và công nghệ đất hiếm” là học phần tự chọn đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần cung cấp những kiến thức về các nguyên tố đất hiếm: về tính chất đặc trưng của các đơn chất, hợp chất của các nguyên tố đất hiếm. Các phương pháp điều chế hiện đại như tách, chiết và những ứng dụng quan trọng của chúng. Từ đó giúp học viên có cơ sở, kiến thức phong phú về vật liệu vô cơ.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể trình bày được tính chất, qui luật biến đổi của các chất, các phương pháp điều chế tách các nguyên tố đất hiếm từ quặng và các ứng dụng của các nguyên tố đất hiếm. điều chế tách các nguyên tố đất hiếm từ quặng và các ứng dụng của các nguyên tố đất hiếm

7.3.12. Tên học phần: Vật liệu dẫn

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7128.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Đây là học phần mới chưa được học ở chương trình đại học. Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản, cập nhật về cơ sở khoa học của polyme dẫn; phương pháp tổng hợp và nghiên cứu tính chất polyme dẫn; ứng dụng thực tế của polyme dẫn.

Học phần gồm 2 nội dung chính, giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về vật liệu dẫn nhiệt bao gồm vật liệu dẫn nhiệt cho ngành điện tử và ngành công nghiệp điện, polyme dẫn nhiệt làm mát thiết bị điện tử... và vật liệu dẫn điện, cụ thể gồm các loại vật liệu bán dẫn và vật liệu siêu dẫn. Học phần cũng đề cập đến các loại vật liệu mới đang được quan tâm nghiên cứu trên thế giới để đáp ứng nhu cầu sử dụng các nguồn nguyên liệu và nguồn năng lượng rẻ hơn, thân thiện với môi trường. Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa hữu cơ, được giảng dạy trong học kỳ 2 của khóa học.

7.3.13. Tên học phần: Công nghệ nhũ tương

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7104.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Công nghệ nhũ tương” là học phần tự chọn đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về các nguyên lí tạo nhũ tương, lí thuyết độ bền nhũ tương, tính chất chung của các nhũ tương và các hợp phần của chúng, lưu biến nhũ tương và tính chất điện của nhũ tương.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể trình bày được: các tính chất của hệ nhũ tương; các phương pháp làm bền hệ nhũ tương, cách phá vỡ hệ nhũ tương; ứng dụng của các hệ nhũ tương này trong các lĩnh vực công nghiệp và các xu hướng phát triển trên thế giới.

7.3.14. Tên học phần: Điện hoá học bề mặt

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7109.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho học viên các vấn đề liên quan đến các quá trình xảy ra trên bề mặt điện cực, các phương pháp nghiên cứu bề mặt điện cực. Học phần trình bày ảnh hưởng của các hiện tượng bề mặt đến các phản ứng điện hóa làm cơ sở để giải thích bản chất của quá trình phản ứng điện hóa.

7.3.15. Tên học phần: Vật liệu hoá học hiện đại

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7129.1

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần Vật liệu hóa học hiện đại cung cấp các kiến thức nền tảng của vật liệu nói chung như ảnh hưởng của thành phần nguyên tố, liên kết hóa học, kích thước và hình dạng phân tử đến cấu trúc của vật liệu. Học phần cũng trình bày tính chất, phương pháp chế tạo và ứng dụng của một số vật liệu cơ sở (polyme, graphene, ceramic, kim loại...) cũng như một số vật liệu hiện đại (vật liệu thông minh, vật liệu nano, vật liệu dự trữ năng lượng...).

Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa hữu cơ.

7.3.16. Tên học phần: Hóa học và công nghệ chế biến dầu khí

Số tín chỉ: 3(2;0;1;0) Mã học phần: CT7113.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần “Hóa học và công nghệ chế biến dầu khí” là học phần tự chọn đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần hóa học và công nghệ chế biến dầu khí cung cấp những kiến thức về nguồn gốc, thành phần, các tính chất đặc trưng của dầu mỏ, khí tự nhiên và khí đồng hành, các sản phẩm của quá trình chế biến và ứng dụng của các sản phẩm. Hóa học và công nghệ các quá trình chế biến dầu và khí.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể trình bày được: nguồn gốc, thành phần, các tính chất đặc trưng của dầu mỏ, khí tự nhiên và khí đồng hành, các sản phẩm của quá trình chế biến và ứng dụng của các sản phẩm. Giải thích được hóa học và công nghệ các quá trình chế biến dầu và khí.

7.3.17. Tên học phần: Hoá học ứng dụng trong xử lý môi trường

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7112.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần Hóa học ứng dụng trong xử lý môi trường là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức sâu về các quá trình hóa học, chu trình chuyển hóa hóa học, sự tồn lưu các chất trong môi trường đất, nước, không khí. Từ những kiến thức căn bản đó, phần còn cung cấp những kiến thức cần thiết về các phản ứng hóa học chủ yếu được ứng dụng để xử lý các vấn đề ô nhiễm đất, nước, không khí. Học phần giúp cho sinh viên có được những kiến thức khi định hướng xử lý môi trường bằng phương pháp hóa học.

7.3.17. Tên học phần: Hợp chất có hoạt tính sinh học

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7116.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Hợp chất có hoạt tính sinh học” là học phần tự chọn đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần giới thiệu đến học viên những hợp chất có hoạt tính sinh học như hoạt tính kháng vi sinh vật, kháng viêm, chống oxi hóa, gây độc tế bào. Những hợp chất này có thể được tách chiết từ tự nhiên hoặc được tổng hợp bởi các phương pháp khác nhau. Ngoài ra, còn cung cấp đến học viên các kiến thức tổng quan về các hoạt tính sinh học đề cập đến như khái niệm, cơ chế tác dụng, mối quan hệ giữa cấu trúc và hoạt tính sinh học,...

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể trình bày được những chất có hoạt tính sinh học như hoạt tính kháng vi sinh vật, kháng viêm, chống oxi hóa, gây độc tế bào. Các hoạt tính sinh học như cơ chế tác dụng, mối quan hệ giữa cấu trúc và hoạt tính sinh học,...

7.3.18. Tên học phần: Cơ chế các phản ứng hữu cơ

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7106.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Đây là học phần mới chưa được học ở chương trình đại học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu trúc phân tử, các loại liên kết, các hiệu ứng, tính axit bazơ trong phân tử hợp chất hữu cơ và cơ chế phản ứng thế, phản ứng cộng, phản ứng tách loại và phản ứng oxi hóa khử. Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa hữu cơ, được giảng dạy trong học kỳ 2 của khóa học.

7.3.19. Tên học phần: Tin học ứng dụng trong hoá học

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7125.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Đây là học phần chưa được học ở chương trình đại học. Học phần cung cấp những kiến thức về các phần mềm thông dụng hiện đang được áp dụng trong nghiên cứu hóa học, giới thiệu về phần mềm nghiên cứu cấu trúc HYPERCHEM và phần mềm mô phỏng HYSYS và các ứng dụng cụ thể trong công nghệ hóa học. Ngoài phần lý thuyết là phần thực hành trên máy tính để tính toán các thông số lượng tử cũng như mô phỏng một số quá trình công nghệ. Học phần thuộc các học phần bắt buộc chung, được giảng dạy trong học kỳ 1 của khóa học.

7.3.20. Tên học phần: Kỹ thuật tạo màng và sơn

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7119.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Kỹ thuật tạo màng và sơn” là học phần tự chọn đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về vật liệu màng phủ với bề mặt rắn, cơ sở hóa lý của sự tạo thành màng, tính chất và sự biến dạng của màng phủ, sự phá hủy của màng phủ khi sử dụng. Có khả năng cập nhật những kiến thức mới và hiện đại về lĩnh vực vật liệu màng phủ và sơn.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể trình bày được vật liệu màng phủ với bề mặt rắn, cơ sở hóa lý của sự tạo thành màng, tính chất và sự biến dạng của màng phủ, sự phá hủy của màng phủ khi sử dụng

7.3.21. *Tên học phần:* Tính toán thiết bị trong công nghệ các chất vô cơ

Số tín chỉ: 3(2;0;1;0) Mã học phần: CT7126.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Tính toán thiết bị trong công nghệ các chất vô cơ” là học phần bắt buộc đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần cung cấp những kiến thức về cấu trúc và nguyên lý làm việc của thiết bị, các phương pháp tính toán, thiết kế các thiết bị chủ yếu của ngành vô cơ.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể trình bày được cấu trúc và nguyên lý làm việc của thiết bị, các phương pháp tính toán, thiết kế các thiết bị chủ yếu của ngành vô cơ.

7.3.22. *Tên học phần:* Hóa học các hợp chất thiên nhiên

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7111.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần này chưa được học ở chương trình đại học. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về hợp chất thiên nhiên như: cấu tạo, tính chất của các hợp chất thiên nhiên, các phương pháp chiết, phân lập các hợp chất thiên nhiên, các tác dụng sinh học và dược lý của hợp chất thiên nhiên, ứng dụng của hợp chất thiên nhiên. Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa hữu cơ, được giảng dạy trong học kỳ 2 của khóa học.

7.3.23. *Tên học phần:* Quang hóa và điện hóa trong tổng hợp chất

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0) Mã học phần: CT7124.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Quang hóa và điện hóa trong tổng hợp chất” là học phần tự chọn đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về quang hóa và điện hóa trong tổng hợp các chất như: quá trình chuyển dời điện tử, phản ứng quang hóa và điện hóa, xúc tác quang hóa và điện hóa, thu gom

năng lượng mặt trời.

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể trình bày các quá trình quang hóa và điện hóa trong tổng hợp các chất, cơ chế phản ứng xảy ra và lĩnh vực ứng dụng của quang hóa và điện hóa trong tổng hợp các chất.

7.3.24. Tên học phần: Công nghệ tiên tiến sản xuất bột giấy

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) **Mã học phần:** CT7105.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần đã được học một phần nội dung về quá trình sản xuất giấy thông dụng ở môn học Công nghệ sản xuất giấy. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về tình hình công nghiệp giấy, nguyên vật liệu sản xuất, quy trình công nghệ, các cải tiến kỹ thuật, công nghệ sản xuất bột giấy bằng phương pháp cơ học và hóa học tiên tiến. Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa hữu cơ, được giảng dạy trong học kỳ 2 của khóa học.

7.3.25. Tên học phần: Cấu trúc và tính chất của vật liệu silicat

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) **Mã học phần:** CT7101.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần này chưa được học ở chương trình đại học. Học phần cung cấp những kiến thức về các cấu trúc và tính chất của vật liệu silicat ở các trạng thái rắn, lỏng và keo. Các cấu trúc tinh thể, mạng lưới không gian, dung dịch rắn và hỗn hợp nóng chảy của vật liệu silicat. Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa vô cơ, được giảng dạy trong học kỳ 1 của khóa học.

7.3.26. Tên học phần: Công nghệ chế biến khoáng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) **Mã học phần:** CT7102.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Đây là học phần mới chưa được học ở chương trình đại học. Học phần cung cấp những kiến thức về các phương pháp gia công chế biến khoáng sản Việt Nam. Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa vô cơ, được giảng dạy trong học kỳ 2 của khóa học.

7.3.27. Tên học phần: Thiết bị đặc trưng trong công nghệ các chất vô cơ

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7127.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Đây là học phần mới chưa được học ở chương trình đại học. Học phần giới thiệu các thiết bị đặc trưng trong sản xuất phân bón, các hóa chất cơ bản, biết cấu tạo và tính toán thiết kế các thiết bị đặc trưng làm việc ở nhiệt độ cao, áp suất lớn và môi trường xâm thực mạnh. Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa vô cơ, được giảng dạy trong học kỳ 2 của khóa học.

7.3.28. *Tên học phần:* Cơ sở lý thuyết công nghệ gốm kỹ thuật và vật liệu chịu lửa

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7107.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Đây là học phần mới chưa được học ở chương trình đại học. Học phần cung cấp những kiến thức về cơ sở lý thuyết sản xuất gốm kỹ thuật và vật liệu chịu lửa. Về cấu trúc, tính chất và các ứng dụng của gốm kỹ thuật và vật liệu chịu lửa. Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa vô cơ, được giảng dạy trong học kỳ 2 của khóa học.

7.3.29. *Tên học phần:* Cơ sở lý thuyết kỹ thuật các chất vô cơ

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7108.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Đây là học phần mới chưa được học ở chương trình đại học. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ sở cho kỹ thuật sản xuất các hợp chất vô cơ, giúp cho học viên có khả năng vận dụng trong xử lý, nghiên cứu tiếp, tối ưu các quá trình công nghệ điển hình. Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa vô cơ, được giảng dạy trong học kỳ 2 của khóa học.

7.3.30. *Tên học phần:* Công nghệ muối khoáng

Số tín chỉ: 2(1;0;1;0) Mã học phần: CT7103.1

Loại học phần: Tự chọn

Học phần này chưa được học ở chương trình đại học. Học phần cung cấp những kiến thức về công nghệ và kỹ thuật sản xuất các muối: nhôm, kali, NaCl, muối Crôm và muối Mangan. Học phần thuộc các học phần tự chọn của định hướng chuyên sâu công nghệ hóa vô cơ, được giảng dạy trong học kỳ 2 của khóa học.

7.3.31. Tên học phần: Thực tập

Số tín chỉ: 9(0;0;0;9) Mã học phần: CT7144.1

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần “Thực tập” là học phần bắt buộc đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức thực tế về quản lý doanh nghiệp, quy trình công nghệ, các hoạt động tổ chức của phân xưởng, các quá trình nghiên cứu, thử nghiệm. Học phần giúp cho học viên các kỹ năng đánh giá, phân tích, giải thích và xử lý các tình huống trong sản xuất, nghiên cứu; Tác phong làm việc chuyên nghiệp và tự học nâng cao trình độ chuyên môn.

Sau khi thực tập xong học phần này giúp cho học viên lập kế hoạch, làm việc nhóm, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đáp ứng với nhu cầu xã hội.

7.3.32. Tên học phần: Đề án tốt nghiệp

Số tín chỉ: 9(0;0;0;9) Mã học phần: CT7145.1

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Học phần “Đề án tốt nghiệp” là học phần bắt buộc đối với học viên trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hóa học. Học phần giúp học viên vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các nội dung của đề án tốt nghiệp được giao; tổ chức, nghiên cứu hoặc thiết kế các máy, thiết bị/phân tích, đánh giá các số liệu thực nghiệm và các kết quả nghiên cứu. Học viên viết được báo cáo đề án, xây dựng được bài thuyết trình, thảo luận để đưa ra các kết luận và giải quyết các vấn đề về đề án được giao. Qua đó, học viên nâng cao khả năng tư duy, cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo. Ngoài ra học phần giúp học viên áp dụng được khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong nghiên cứu/thiết kế; nhận thức được trách nhiệm của người thạc sĩ đối với xã hội từ đó đưa ra các ứng xử, thái độ tích cực trong giao tiếp, công việc sau khi ra trường và tự học nâng cao trình độ

8. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội (Triển khai theo Hướng dẫn số 01/HD-ĐHCN ngày 01/1/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNH)

Kết quả cho thấy các chương trình của các Trường Đại học trong nước được so sánh cùng ngành có số tín chỉ cho nhóm kiến thức tương đương phù hợp với yêu cầu

của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, số tín chỉ các môn học tự chọn của kiến thức cơ sở không có, nhưng phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cao. Điều này phụ thuộc vào cách tiếp cận khi xây dựng chương trình.

9. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Văn Bổng

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Phạm Thị Mai Hương".

Phạm Thị Mai Hương